



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                           |                                                      |                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 2075/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA<br/>EXAMINATION REPORT</b> | Ngày/ Date: 14/07/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|---------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br>Customer:                                                     | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI VIỆT TRÍ</b>                                                                                                                                                                                                        |
| 2. Dự án:<br>Project:                                                                   | Kiểm tra điện năng tủ điện phân phối hạ thế<br>Low voltage switchgear testing                                                                                                                                                              |
| 3. Địa chỉ kiểm tra:<br>Place of testing:                                               | Đường Số 9, Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, Phường Tây Nam, Thành Phố Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                |
| 4. Đối tượng kiểm tra:<br>Type of testing:                                              | Tủ phân phối hạ thế.<br>Low voltage switchgear.                                                                                                                                                                                            |
| 5. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br>Quantity/Installation location:                         | 01 Tủ điện / Trạm Biến Áp 2000kVA<br>01 Electrical cabinet/ 2000kVA Transformer Station                                                                                                                                                    |
| 6. Phương pháp kiểm tra:<br>Method of testing:                                          | - Tham khảo ETSC/TN/QT-27; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN4255: 2008; TCVN7994-1: 2009; TCVN 6615-2-4 : 2013; IEC 868; thông tư 39/2022/TT-BCT của Bộ Công Thương; thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương.<br>- Theo yêu cầu của khách hàng |
| 7. Thời gian thực hiện:<br>Inspection Date:                                             | 12/07/2025                                                                                                                                                                                                                                 |
| 8. Thông số kỹ thuật:<br>Specification:                                                 | Loại/ Type: MSB<br>Số quản lý/ Serial No: MPB-2<br>Nhà sản xuất/ Manufacture: Không rõ/ NA<br>Năm sản xuất/ Date of manufacture: Không rõ/ NA<br>Kích thước/ Size: Không rõ/ NA<br>Công dụng/ Function: Tủ Điện Phân Phối Tổng 3200A       |
| 9. Phương tiện kiểm tra:<br>Testing equipment                                           | Kyoritsu 3125A; Metrel MI2892.                                                                                                                                                                                                             |
| 10. Điều kiện môi trường:<br>Environmental conditions:                                  | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                                                                                                                            |
| 11. Kết quả kiểm tra:<br>Testing result:                                                | Xem trang sau<br>See next page                                                                                                                                                                                                             |
| 12. Tem kiểm tra:<br>Testing stamp No:                                                  | /                                                                                                                                                                                                                                          |
| 13. Kết luận:<br>Conclusion:                                                            | <b>Sóng hài dòng điện/ điện áp cao, hệ số công suất thấp.</b><br><b>High current/ voltage harmonics, Low Power factor.</b>                                                                                                                 |
| 14. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 07/2026<br>Recommended next testing period: |                                                                                                                                                                                                                                            |

**Người Thực Hiện**

Executor

**Đoàn Nguyễn Huy Thắng**

**GIÁM ĐỐC**

Director



**Nguyễn Quốc Hoàn**



|                           |                                                            |                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 2075/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA</b><br><b>EXAMINATION REPORT</b> | Ngày/ Date: 14/07/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|---------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 11 trang 1  
Content of measured results 11 page 1

| Stt<br>No | Đo các thông số<br>Measure the parameters                                    |                      | Pha A<br>Phase A                    | Pha B<br>Phase B | Pha C<br>Phase C | Yêu Cầu<br>Request         | Kết quả<br>Result    |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|------------------|------------------|----------------------------|----------------------|
| 1         | Điện áp vận hành/ Operating voltage                                          |                      | 226,0                               | 229,8            | 229,3            | 209÷242V                   | Đạt/ Pass            |
| 2         | Tần số vận hành/ Operating frequency                                         |                      | 50,074                              |                  |                  | 49÷51 Hz                   | Đạt/ Pass            |
| 3         | Xâm nhập của dòng điện một chiều/ Penetration of direct current              |                      | /                                   | /                | /                | $\%I_{dc} \leq 0,5\%$      | /                    |
| 4         | Sóng hài của điện áp/<br>Harmonics of voltage                                | Tổng/<br>Total (THD) | 5,30                                | 5,20             | 5,14             | + THD $\leq 5\%$           | Không đạt/<br>Failed |
|           |                                                                              | Bậc 3<br>Level 3     | 0,42                                | 1,15             | 0,33             | + H(3) $\leq 3\%$          | Đạt/ Pass            |
|           |                                                                              | Bậc 5<br>Level 5     | 4,71                                | 4,50             | 4,65             | + H(5) $\leq 3\%$          | Không đạt/<br>Failed |
|           |                                                                              | Bậc 7<br>Level 7     | 1,53                                | 1,69             | 1,35             | + H(7) $\leq 3\%$          | Đạt/ Pass            |
| 5         | Sóng hài của dòng điện/<br>Harmonics of currents                             | Tổng/<br>Total (TDD) | 20,8                                | 22,7             | 20,9             | TDD $\leq 5\%$             | Không đạt/<br>Failed |
|           |                                                                              | Bậc 3<br>Level 3     | 2,85                                | 6,62             | 3,70             | H(3) $\leq 4\%$            | Không đạt/<br>Failed |
|           |                                                                              | Bậc 5<br>Level 5     | 21,7                                | 22,1             | 22,5             | H(5) $\leq 4\%$            | Không đạt/<br>Failed |
|           |                                                                              | Bậc 7<br>Level 7     | 1,39                                | 1,96             | 0,40             | H(7) $\leq 4\%$            | Đạt/ Pass            |
| 6         | Nhấp nháy điện áp/<br>Flashing voltage                                       | P <sub>st</sub>      | 0,132                               | 0,098            | 0,108            | P <sub>st</sub> $\leq 1$   | Đạt/ Pass            |
|           |                                                                              | P <sub>lt</sub>      | 0,121                               | 0,120            | 0,124            | P <sub>lt</sub> $\leq 0,8$ | Đạt/ Pass            |
| 7         | Thành phần thứ tự nghịch của điện áp pha/ Inverse sequence voltage component |                      | 0,41                                |                  |                  | $\%V_{neg} \leq 5\%$       | Đạt/ Pass            |
| 8         | Hệ số Công suất/ Power factor                                                |                      | 0,95                                | 0,95             | 0,93             | PF $\geq 0,95$             | Không đạt/<br>Failed |
| 9         | Nối đất/ Grounding                                                           |                      | Tiếp đất trực tiếp/ Ground directly |                  |                  |                            |                      |